

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1  
- CÔNG TY CP**

Số: **0133** /TCT-QHCD  
V/v: Công bố thông tin định kỳ  
trên cổng thông tin điện tử của  
UBCKNN.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **08** tháng **02** năm **2018**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 0243.8350930

Fax: 0243.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Thanh

Địa chỉ: Số 19, Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0943415899 – 0243.8350933

Fax: 0243.7721232


Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2017.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2017.

*(Có chi tiết kèm theo)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Đinh Văn Thanh**

**TÓNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ**  
**QUÝ 2 NĂM 2017**

## MỤC LỤC

<u>NOI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 -2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA KỲ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA KỲ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA KỲ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ	7 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động Quý 2 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch (Thời giữ chức vụ ngày 13/01/2017)
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Khôi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Đào Việt Tiến	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Đan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng giám đốc (Thời giữ chức vụ ngày 07/06/2017)

#### **Kế toán trưởng**

Ông Vũ Thành Công	Kế toán trưởng (Thời giữ chức vụ ngày 04/05/2017)
Ông Lê Văn Long	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 04/05/2017, Thời giữ chức vụ ngày 25/09/2017)
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/09/2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Đình Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA KỲ**

Quý 2 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>3.480.328.764.765</b>	<b>3.814.292.911.214</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>344.531.378.760</b>	<b>325.685.433.561</b>
1. Tiền	111	219.564.254.157	275.463.544.304
2. Các khoản tương đương tiền	112	124.967.124.603	50.221.889.257
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>13.231.000.000</b>	<b>16.205.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13.231.000.000	16.205.000.000
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>2.263.982.208.702</b>	<b>2.501.524.909.424</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.262.308.508.532	1.631.369.096.306
2. Trả trước người bán	132	514.134.340.064	280.881.787.510
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	259.000.000.000	247.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	264.321.154.389	404.127.757.739
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	(35.781.794.283)	(61.853.732.131)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>827.385.719.902</b>	<b>946.612.742.698</b>
1. Hàng tồn kho	141	828.184.482.641	947.411.505.437
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149	(798.762.739)	(798.762.739)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>31.198.457.401</b>	<b>24.264.825.531</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.562.700.870	3.220.062.232
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	9.577.461.344	5.136.820.616
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18.058.295.187	15.907.942.683
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>601.377.838.183</b>	<b>678.520.364.064</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>19.782.452.014</b>	<b>6.282.452.014</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	104.687.000	104.687.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	19.677.765.014	6.177.765.014
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>104.931.671.360</b>	<b>169.382.257.100</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	93.194.716.992	156.136.132.498
- Nguyên giá	222	394.166.972.460	579.995.438.297
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(300.972.255.468)	(423.859.305.799)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11.736.954.368	13.246.124.602
- Nguyên giá	228	13.183.548.462	15.468.389.968
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.446.594.094)	(2.222.265.366)
<b>III- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>243.316.874</b>	<b>683.865.765</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	243.316.874	683.865.765
<b>IV- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>431.154.090.419</b>	<b>419.978.715.323</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	161.200.229.492	161.200.229.492
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	269.953.860.927	258.778.485.831
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>45.266.307.516</b>	<b>82.193.073.862</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	45.266.307.516	76.046.597.304
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	3.129.677.279
3. Lợi thế thương mại	264	-	3.016.799.279
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>4.081.706.602.948</b>	<b>4.492.813.275.278</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Quý 2 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ		SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>	<b>3.341.437.538.228</b>	<b>3.672.028.757.049</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>	<b>3.234.305.978.681</b>	<b>3.526.667.897.527</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	1.495.365.472.101	1.701.862.952.751
2. Người mua trả tiền trước		312	780.071.771.051	580.101.419.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	172.487.318.192	191.399.821.168
4. Phải trả người lao động		314	36.541.680.020	75.672.012.954
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	120.435.674.529	80.996.443.649
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	782.479.428	16.267.271.825
7. Phải trả ngắn hạn khác		319	288.725.326.003	368.336.366.452
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	333.452.827.339	304.717.047.340
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	607.853.636	1.446.267.160
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		322	5.835.576.382	5.868.294.559
<b>II- Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>	<b>107.131.559.547</b>	<b>145.360.859.522</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331	3.213.668.701	3.213.668.701
2. Phải trả dài hạn khác		336	14.371.474.425	15.535.296.183
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		337	81.021.400.710	108.028.207.854
3. Dự phòng phải trả dài hạn		340	8.525.015.711	18.583.686.784
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>	<b>740.269.064.720</b>	<b>820.784.518.229</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>740.269.064.720</b>	<b>820.784.518.229</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu		414	100.519.210	100.519.210
3. Quỹ đầu tư phát triển		418	21.928.887.793	22.693.323.260
4. Quỹ khác của vốn chủ sở hữu		420	-	2.497.187.585
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	12.341.151.632	43.091.407.023
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước		421a	6.342.509.085	(6.605.777.248)
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	5.998.642.547	49.697.184.271
10. Lợi ích của cổ đông thiểu số		422	5.898.506.085	52.402.081.151
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>440</b>	<b>4.081.706.602.948</b>	<b>4.492.813.275.278</b>

  
 Nguyễn Thị Bích Hạnh  
 Người lập biểu

Ngày 22 tháng 12 năm 2017

  
 Nguyễn Văn Trọng  
 Kế toán trưởng

  
  
 Đinh Văn Thanh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA KỲ**

Quý 2 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2		Lũy kế đến hết quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	531.714.594.283	837.318.500.856	984.726.135.035	1.461.328.878.719
2. Các khoản giảm trừ	02	-	13.455.091.892	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	531.714.594.283	823.863.408.964	984.726.135.035	1.461.328.878.719
4. Giá vốn hàng bán	11	518.155.997.605	813.353.157.548	924.712.325.825	1.401.609.960.624
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	13.558.596.678	10.510.251.416	60.013.809.210	59.718.918.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.772.397.389	70.341.807.269	14.180.353.338	91.326.791.109
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	(7.353.361.486)	11.912.656.075	5.054.732.490	25.420.269.532
- Trong đó chi phí lãi vay	23	9.873.169.019	11.215.214.907	22.039.812.942	23.248.411.571
8. Lãi lỗ trong liên kết, liên doanh	24	-	(59.508.952)	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34.826.141.737	46.530.583.132	61.594.641.283	93.581.050.039
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(6.141.786.184)	22.349.310.525	7.544.788.775	32.044.389.613
12. Thu nhập khác	31	5.574.005.857	21.035.746.277	10.002.428.962	7.476.526.889
13. Chi phí khác	32	3.668.424.788	22.420.331.979	7.631.500.420	8.101.355.000
14. Lợi nhuận khác	40=31-32	1.905.581.069	(1.384.585.702)	2.370.928.542	(624.828.111)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	(4.236.205.115)	20.964.724.823	9.915.717.317	31.419.561.502
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	305.851.335	4.504.789.677	3.296.356.016	7.348.225.620
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	(150.303.484)	-	(235.107.153)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60=50-51-52	(4.542.056.450)	16.610.238.630	6.619.161.301	24.306.443.035
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	(3.848.547.711)	15.351.312.969	5.998.642.547	22.402.727.168
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62	(693.508.739)	1.258.925.662	620.518.754	1.903.715.867
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(55)	219	86	305

  
 Nguyễn Thị Bích Hạnh  
 Người lập biểu

Ngày 22 tháng 12 năm 2017

  
 Nguyễn Văn Trung  
 Kế toán trưởng



  
 Đinh Văn Thanh  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA KỲ**

Quý 2 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ đầu năm đến hết quý này
<b>I. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận từ kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.915.717.317</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
Khấu hao tài sản cố định	02	10.578.599.204
Các khoản dự phòng	03	(36.969.022.445)
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(23.006.426)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.784.788.055)
Chi phí lãi vay	06	22.039.812.942
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(15.242.687.463)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(337.518.573.842)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(108.177.702.261)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	484.999.956.051
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	345.574.771
Lãi vay đã trả	14	(19.757.069.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.125.663.986)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.129.677.279
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(619.635.407)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>33.875.524</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(2.511.925.150)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và TSDH khác	22	78.705.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.251.000.000)
4. Tiền thu hồi cho và bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	(21.209.934.410)
7. Tiền thu lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia	27	3.009.997.004
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.784.157.556)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	209.980.857.005
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(146.799.516.200)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả CSH	36	(15.608.120.000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>47.573.220.805</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>18.822.938.773</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>325.685.433.561</b>
<b>ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI QUY ĐỔI NGOẠI TỆ</b>	<b>61</b>	<b>(23.006.426)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>344.531.378.760</b>



Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ này

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty là : 700.000.000.000đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn ./.) chia thành 70.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình;

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ và công trình cầu.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong thời gian lớn hơn 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày cuối quý, Tổng Công ty có 02 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP cầu 12 - Cienco I (đã thoái vốn ngày 17/04/2017)			Xây dựng công trình cầu đường
2	Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco I	51	51	Xây dựng dân dụng
3	Công ty TNHH cung ứng lao động quốc tế và DV Inmasco (Chuyển đổi từ ngày 01/03/2017)	100	100	Xuất khẩu lao động

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày cuối quý như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP xây dựng công trình 1	49	49	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty CP phát triển đầu tư và XD 115- Cienco I	21	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty CP sản xuất vật liệu và XDCT 119- Cienco I	25	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
4	Công ty CP xây dựng giao thông và TM 124	48	48	Xây dựng đường bộ
5	Công ty CP đầu tư và xây dựng 125	49	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
6	Công ty CP đầu tư và xây dựng CT 128	48	48	Xây dựng đường bộ
7	Công ty CP xây dựng CT 15- Cienco I	45	45	Xây dựng công trình GT
8	Công ty CP BOT cầu Việt Trì	20	20	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiến	26	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
10	Công ty CP đầu tư xây dựng -Cienco I (CIC)	44	44	Xây dựng dân dụng
11	Công ty CP tư vấn đầu tư XDCT 1	55	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Công ty CP tư vấn đầu tư XD Việt Nam	26	26	Tư vấn thiết kế cầu đường
13	Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	25	25	Xây dựng dân dụng
14	Công ty CP sản xuất VL và xây dựng CT 1	33	33	Sản xuất vật liệu xây dựng

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 là trên 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỶ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỶ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ xung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ bao gồm báo cáo tài chính giữa kỳ của Tổng Công ty và báo cáo tài chính giữa kỳ của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động quý 2/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa kỳ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa kỳ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán nhưng Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là các khoản công nợ phải thu từ các công trình đang chờ quyết toán với chủ đầu tư. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định không phải trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu của hoạt động xây lắp này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 13
Phương tiện vận tải	4 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

**Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành đối với một số công trình xây lắp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc thay đổi tỷ lệ trích lập dự phòng sẽ phản ánh đúng trách nhiệm bảo hành, sửa chữa của Tổng Công ty tại các công trình này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa kỳ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
Tiền mặt	63.510.566.807	16.047.059.407
Tiền gửi ngân hàng	156.053.687.350	259.416.484.897
Các khoản tương đương tiền	124.967.124.603	50.221.889.257
<b>Cộng</b>	<b>344.531.378.760</b>	<b>325.685.433.561</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng .

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	23.322.868.578	33.472.973.476
Công cụ, dụng cụ	250.927.280	1.149.295.008
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	801.896.056.351	912.458.142.265
Thành phẩm	-	331.094.688
Hàng hóa	2.714.630.432	-
<b>Cộng</b>	<b>828.184.482.641</b>	<b>947.411.505.437</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	- 798.762.739	- 798.762.739
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>827.385.719.902</b>	<b>946.612.742.698</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình,  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo***8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
- Tại ngày đầu kỳ	135.085.373.546	357.967.723.181	77.106.478.332	7.602.507.323	2.233.355.915	579.995.438.297
- Mua trong kỳ	-	1.137.301.089	-	85.000.000	-	1.222.301.089
- Thanh lý nhượng bán	-	-	(3.479.680.784)	-	-	(3.479.680.784)
- Giảm khác	(9.284.791.764)	(161.720.186.327)	(9.378.821.673)	(2.996.786.577)	(190.499.801)	(183.571.086.142)
- Tại ngày cuối kỳ	125.800.581.782	197.384.837.943	64.247.975.875	4.690.720.746	2.042.856.114	394.166.972.460

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ**

- Tại ngày đầu năm	78.890.089.606	274.872.119.282	61.740.558.574	6.539.831.322	1.816.707.015	423.859.305.799
- Khấu hao trong kỳ	2.342.980.850	8.106.033.666	2.609.392.392	198.935.343	112.552.256	13.369.894.507
- Thanh lý nhượng bán	-	-	(3.479.680.784)	-	-	(3.479.680.784)
- Giảm cho chia cắt	-	-	(2.445.322.761)	(130.265.722)	-	(2.575.588.483)
- Giảm khác	(6.971.618.023)	(116.298.838.040)	(4.491.744.769)	(2.285.305.226)	(154.169.513)	(130.201.675.571)
- Tại ngày cuối kỳ	74.261.452.433	166.679.314.908	53.933.202.652	4.323.195.717	1.775.089.758	300.972.255.468

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

- Tại ngày đầu năm	56.195.283.940	83.095.603.899	15.365.919.758	1.062.676.001	416.648.900	156.136.132.498
- Tại ngày cuối kỳ	51.539.129.349	30.705.523.035	10.314.773.223	367.525.029	267.766.356	93.194.716.992

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
- Tại ngày đầu kỳ	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	(1.596.587.506)	(688.254.000)	(2.284.841.506)
- Tại ngày cuối kỳ	<u>13.113.548.462</u>	<u>70.000.000</u>	<u>13.183.548.462</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
- Tại ngày đầu năm	1.464.011.366	758.254.000	2.222.265.366
- Khấu hao trong kỳ	135.338.423	-	135.338.423
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	(222.755.695)	(688.254.000)	(911.009.695)
- Tại ngày cuối kỳ	<u>1.376.594.094</u>	<u>70.000.000</u>	<u>1.446.594.094</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
- Tại ngày đầu năm	13.246.124.602	-	13.246.124.602
- Tại ngày cuối kỳ	<u>11.736.954.368</u>	-	<u>11.736.954.368</u>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

TT	Tên công ty / Khoản đầu tư	Vốn TCT đầu tư tại ngày 30/6/2017	Tăng, giảm do biến động TS thuần đến 30/6/2017	Giá trị đầu tư theo PP vốn CSH tại ngày 30/6/2017
1	Công ty cổ phần XD công trình 1	4.900.000.000	(4.900.000.000)	-
2	Cty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	1.263.234.000	(518.314.022)	744.919.978
3	Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586.812.929	(586.812.929)	-
4	Công ty CPXD giao thông &TM 124	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-
5	Cty đầu tư và xây dựng 125	1.715.000.000	(1.715.000.000)	-
6	Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6.214.309.449	(227.232.404)	5.987.077.045
7	Công ty CP XDCT15-cienco1	4.500.000.000	(4.500.000.000)	-
8	Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2.641.303.364	275.916.786	2.917.220.150
9	Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	48.532.400.000	(18.454.945.168)	30.077.454.832
10	Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiến	49.400.000.000	(2.709.557.041)	46.690.442.959
11	Cty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2.350.000.000	(824.651.282)	1.525.348.718
12	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	2.770.727.287	(469.724.232)	2.301.003.055
13	Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	70.000.000.000	40.482.947	70.040.482.947
14	Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2.571.000.000	(1.654.720.192)	916.279.808
		<u>204.644.787.029</u>	<u>(43.444.557.537)</u>	<u>161.200.229.492</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**II. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Cty CPĐT&XD hạ tầng Anphnam	4.025.905.831	4.025.905.831
Công ty CP Cầu 12	11.175.375.096	
Công ty CP BOT cầu Bạch Đằng	85.500.000.000	85.500.000.000
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	148.172.580.000	148.172.580.000
Công ty cổ phần BH Thăng long	10.000.000	10.000.000
Công ty cổ phần GTVT VN	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	21.050.000.000	21.050.000.000
<b>Cộng</b>	<b>269.953.860.927</b>	<b>258.778.485.831</b>

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 9 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các đơn vị nhận vốn đầu tư của Tổng Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- (\*) Các khoản đầu tư vào các công ty hoạt động theo hình thức BOT (Xây dựng - vận hành - chuyển giao) các công trình đường bộ của Tổng Công ty được đánh giá theo kế hoạch đầu tư, xây dựng và vận hành dựa trên giấy phép hoạt động tại các dự án giao thông mà các Công ty này tham gia đầu tư. Việc chuyển giao cho các đơn vị chủ quản sẽ được thực hiện sau thời gian cam kết trong giấy phép đầu tư dự án.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP** Mã số B 09a-DN/HN  
Số 623, Đường Lã Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
- Số dư tại ngày 1/1/2016	700.000.000.000	100.519.210	13.247.055.412	2.175.365.531	72.604.419.857	54.624.684.127	842.752.044.137
- Tăng vốn trong kỳ					49.697.184.271	7.145.901.774	56.843.086.045
- Lợi nhuận trong kỳ			9.494.395.082	321.822.054	(63.000.000.000)	(2.875.080.000)	(65.875.080.000)
- Chia cổ tức			(48.127.234)		(16.189.804.337)	(942.569.731)	(7.316.156.932)
- Phân phối các quỹ					(20.392.768)	(5.550.855.019)	(5.619.375.021)
- Tăng, giảm khác							
- Số dư tại ngày 31/12/2016	700.000.000.000	100.519.210	22.693.323.260	2.497.187.585	43.091.407.023	52.402.081.151	820.784.518.229
- Tăng vốn trong kỳ					5.998.642.547	(1.734.434.899)	4.264.207.648
- Lợi nhuận trong kỳ					(35.000.000.000)		(35.000.000.000)
- Chia cổ tức			4.309.140.702		(6.463.711.053)		(2.154.570.351)
- Phân phối các quỹ			(5.073.576.169)	(2.497.187.585)	4.714.813.114	(44.769.140.166)	(47.625.090.806)
- Tăng, giảm khác							
- Tại ngày cuối kỳ	700.000.000.000	100.519.210	21.928.887.793	-	12.341.151.631	5.898.506.086	740.269.064.720

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100104274 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Vốn đã góp tại ngày</b>			
	<b>30/06/2017</b>		<b>31/12/2016</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	20.003.534	28,58	20.003.534	28,58
2. Công ty CP An Hiền	17.213.552	24,59	17.213.552	24,59
3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	-	6.990.000	9,99
4. Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	13.447.700	19,21	4.900.000	7,00
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Cải Mệp	11.767.694	16,81	11.767.694	16,81
6. Các cổ đông khác	7.567.520	10,81	9.125.220	13,03
	<b>70.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>70.000.000</b>	<b>100,00</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**14. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xây lắp	966.318.242.176	1.428.726.046.823
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.154.700.812	8.529.808.648
- Doanh thu khác	6.253.192.047	24.073.023.248
<b>Cộng</b>	<b>984.726.135.035</b>	<b>1.461.328.878.719</b>

**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	919.122.697.553	1.379.238.132.202
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.970.791.664	2.366.223.337
- Giá vốn khác	2.618.836.608	20.005.605.085
<b>Cộng</b>	<b>924.712.325.825</b>	<b>1.401.609.960.624</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.593.077.333	4.142.524.787
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.339.020.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.200.325.377	65.789.837.722
- Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23.006.426	-
- Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	24.924.202	21.394.428.600
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.180.353.338</b>	<b>91.326.791.109</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay phải trả	22.039.812.942	23.248.411.571
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	1.411.753.667
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.875.991	381.849.069
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	17.248.209.000	-
- Chi phí tài chính khác	56.252.557	378.255.245
<b>Cộng</b>	<b>5.054.732.490</b>	<b>25.420.269.552</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ kèm theo*

**15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO**

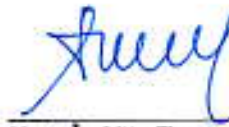
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2017